

**THÔNG TƯ**  
**Hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh**

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 2 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi tắt là trái phiếu được bảo lãnh) tại thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này gồm doanh nghiệp, ngân hàng chính sách của nhà nước và tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng thực hiện việc phát hành trái phiếu được bảo lãnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

## **Điều 2. Chủ thể phát hành**

Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh là doanh nghiệp, các ngân hàng chính sách của nhà nước và các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là chủ thể phát hành) thuộc đối tượng được cấp bảo lãnh Chính phủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2011/NĐ-CP).

## **Điều 3. Mục đích phát hành**

Trái phiếu được bảo lãnh được phát hành để đầu tư cho các chương trình, dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP.

## **Điều 4. Điều kiện phát hành**

### **1. Đối với các doanh nghiệp**

a) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP khi phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước.

b) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện hành trái phiếu được bảo lãnh quy định tại Điều 40 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP khi phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

2. Đối với các ngân hàng chính sách phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước

a) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP.

b) Khối lượng phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải thuộc hạn mức bảo lãnh Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong từng thời kỳ.

3. Đối với các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của Nhà nước

a) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh quy định Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước để thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của Nhà nước theo từng quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với từng chương trình, dự án.

## **Điều 5. Điều kiện và điều khoản của trái phiếu được bảo lãnh**

Ngoài các điều kiện và điều khoản quy định tại Điều 6 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh còn phải tuân thủ các quy định sau:

### **1. Khối lượng phát hành**

Khối lượng phát hành từng đợt do chủ thể phát hành quyết định nhưng tổng khối lượng lũy kế phát hành không được vượt quá hạn mức bảo lãnh phát

hành trái phiếu được bảo lãnh trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư này.

## **2. Lãi suất phát hành**

a) Lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước do chủ thể phát hành quyết định cho từng đợt phát hành nhưng không được vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính thông báo cho từng đợt phát hành hoặc trong từng thời kỳ.

b) Lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường quốc tế do chủ thể phát hành quyết định cho từng đợt phát hành căn cứ vào Đề án phát hành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tình hình thị trường tại thời điểm phát hành.

## **Điều 6. Phát hành bổ sung, mua lại và hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh**

1. Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh có thể phát hành bổ sung đối với trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước:

a) Căn cứ vào nhu cầu quản lý dòng tiền, chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh có thể xem xét phát hành bổ sung đối với trái phiếu được bảo lãnh đã phát hành. Việc phát hành trái phiếu bổ sung phải tuân thủ các điều kiện về khối lượng phát hành và lãi suất phát hành quy định tại Điều 5 Thông tư này. Riêng đối với các ngân hàng chính sách, khối lượng phát hành trái phiếu bổ sung phải đảm bảo thuộc hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm phát hành bổ sung.

b) Thời điểm phát hành trái phiếu bổ sung phải đảm bảo trong khoảng thời gian hai (02) năm kể từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu và có kỳ hạn còn lại tại thời điểm phát hành bổ sung ít nhất từ một (01) năm trở lên.

2. Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh có thể mua lại trái phiếu trước hạn để giảm nghĩa vụ nợ hoặc cơ cấu lại nợ theo Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Việc mua lại trái phiếu được bảo lãnh phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Có phương án mua lại trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp phê duyệt phương án phát hành đồng thời là cấp phê duyệt phương án mua lại trái phiếu.

b) Công khai, minh bạch và hiệu quả.

3. Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh thực hiện hoán đổi trái phiếu để cơ cấu lại nợ. Việc hoán đổi trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Có phương án hoán đổi trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp phê duyệt phương án phát hành đồng thời là cấp phê duyệt phương án hoán đổi trái phiếu.

b) Phương án hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh phải được Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến chấp thuận bằng văn bản trước khi tổ chức thực hiện.

c) Công khai, minh bạch và hiệu quả.

4. Chủ thể phát hành được áp dụng các phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi của trái phiếu Chính phủ để thực hiện mua lại, hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh.

5. Chủ thể phát hành chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc mua lại, hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh và có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư này.

## **Chương II**

### **PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH**

#### **Mục 1**

#### **TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH DO DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH**

##### **Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh**

1. Đối với phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước

a) Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh của chủ thể phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

b) Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải bổ sung thêm các nội dung sau:

- Thông tin về chương trình, dự án đầu tư và tình hình triển khai thực hiện, bao gồm: quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền; tổng mức đầu tư; lĩnh vực đầu tư thuộc danh mục các dự án, chương trình được xem xét cấp bảo lãnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ; kế hoạch và tiến độ đầu tư; các nguồn vốn thực hiện, trong đó có nguồn vốn trái phiếu được bảo lãnh và tình hình thực hiện chương trình, dự án đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Dự kiến kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh: tổng khối lượng phát hành được chia theo kỳ hạn trái phiếu và thời điểm phát hành trên cơ sở tiến độ triển khai và giải ngân của chương trình, dự án. Trường hợp việc phát hành dự kiến được chia thành nhiều đợt hành phát trong nhiều năm thì kế hoạch phát hành phải được xây dựng cụ thể cho từng năm.

c) Báo cáo tài chính năm của ba (03) năm liền kề trước năm đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh trước ngày 1 tháng 4 hàng năm thì phải có báo cáo tài chính theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định 90/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

d) Văn bản phê duyệt và chấp thuận đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

đ) Các văn bản khác chứng minh doanh nghiệp đủ điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, bao gồm:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

- Các văn bản chứng minh chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu đầu tư vào chương trình, dự án.

- Các văn bản khác theo quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

## **2. Đối với phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường quốc tế**

a) Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh của chủ thể phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

b) Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Ngoài các nội dung quy định tại Điều 41 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, đề án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế phải bổ sung thêm các nội dung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

c) Các hồ sơ quy định tại các điểm c, d Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP và các điểm c, d, đ Khoản 1 Điều này.

## **Điều 8. Quy trình, thủ tục phê duyệt cấp bảo lãnh**

1. Doanh nghiệp gửi một (01) bộ hồ sơ quy định tại Điều 7 Thông tư này tới Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu có). Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, Bộ Tài chính thông báo để doanh nghiệp nộp bổ sung năm (05) bộ hồ sơ để làm thủ tục xem xét có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

2. Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xem xét, có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Nội dung xem xét bao gồm:

a) Đối tượng và điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này.

b) Phương án tài chính của chương trình, dự án và phương án phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

c) Phương án sử dụng và quản lý nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh, phương án bố trí nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu được bảo lãnh.